

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Nâng cấp, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 87/TTr-SXD ngày 01/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Nâng cấp, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng

Sơ như sau:

1. Tên công trình: Nâng cấp, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn.

2. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

3. Chủ đầu tư: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Địa điểm xây dựng: Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn (Km10, Quốc lộ 1A cũ, xã Tân Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán xây dựng: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Lạng Sơn.

6. Quy mô thiết kế bản vẽ thi công và các giải pháp thiết kế chủ yếu:

6.1. Quy mô thiết kế bản vẽ thi công:

a) Hạng mục xây mới:

- Nhà làm việc và phòng ở cán bộ: cao 2 tầng, diện tích 408 m².

- Nhà hạnh phúc 6 phòng: cao 1 tầng, diện tích 202 m².

- Nhà cắt con 10 phòng: cao 1 tầng, diện tích 310m².

- Sân thể thao cỏ lá gừng: diện tích 3.300 m².

- Các hạng mục khác như: tường rào phân khu, nhà để xe, lan can tay vịn bậc thang ngoài trời, trạm xử lý nước và đập dâng ở suối.

b) Các hạng mục cải tạo:

- Nhà ở 80 học viên (02 nhà) và nhà ở 100 học viên (02 nhà), thực hiện các hạng mục: bổ sung hoa sắt đặc, vệ sinh và vôi ve tường, xây tường ngăn phòng, chuyển hệ thống bảng điện, làm chắc chắn đường nước và vôi sen khu vực tắm.

- Cải tạo các hạng mục khác như: cổng chính, ao nước sạch dự trữ, nhà thăm gặp, hệ thống bóng điện chiếu sáng cao áp.

c) Trang thiết bị: mua sắm các trang thiết bị cần thiết phục vụ sinh hoạt hàng ngày của các học viên tại cơ sở.

6.2. Các giải pháp thiết kế chủ yếu

6.2.1. Giải pháp cấp điện; Cấp, thoát nước ngoài nhà:

a) Giải pháp cấp điện: Nguồn điện cấp cho công trình sử dụng nguồn điện hiện trạng đã có của công trình, dây dẫn từ điểm cấp điện và từ máy phát điện dự phòng lắp đặt mới của dự án cấp điện đến tủ hạ áp (ký hiệu ATS) sử dụng dây CU/XLPE/PVC(3x120+1x70)mm² được luồn trong ống nhựa đường kính d=130/100mm.

Lắp đặt tủ điều khiển chiếu sáng ngoài trời để điều khiển các đèn chiếu sáng; Cấp trực cấp cho các đèn chiếu sáng dùng cáp đồng ngầm có lớp đai thép bảo vệ Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC (4x10)mm², dây từ bảng điện cửa cột lên

đèn dùng dây đồng Cu/PVC/PVC (2x2,5)mm² luồn trong ống thép thân đèn. Các loại cáp trên luồn trong ống nhựa gân xoắn HDPE D65/50 ngầm đất.

Chiều sáng ngoài nhà: Sử dụng đèn cao áp công suất bóng 400W; thân cột đèn bằng thép cao 9m; móng cột đèn bằng bê tông mác 200, kích thước (1.000x1.000x1.000)mm; cột được liên kết với móng bằng bu lông M24; dây cáp đèn cột đèn sử dụng cáp Cu/PVC/PVC 2x2,5mm²; rãnh chôn cáp ngầm sâu 0,7m, phía trên cáp 0,4m lót một lớp lưới nilon và gạch chỉ để cảnh báo và bảo vệ cáp và lấp đất tự nhiên. Trên bề mặt khoảng cách 10m lót một viên gạch block chỉ hướng cáp ngầm.

b) Giải pháp thiết kế hệ thống cấp nước, thoát nước:

- Cấp nước: Nguồn nước cấp cho công trình được lấy từ đập dâng cấp vào trạm xử lý nước, nước sau khi được xử lý tại trạm được cấp lên bể chứa nước hiện trạng tại góc phía Đông Nam khu đất theo hệ thống cấp nước hiện trạng. Từ bể chứa nước cấp cho các công trình và các thiết bị sử dụng nước; tất cả hệ thống đường ống sử dụng ống nhựa PP-R và phụ kiện đồng bộ đường kính d=40mm, d=32mm.

- Thoát nước: Nước thải khu vệ sinh được thoát vào bể tự hoại xây mới, sau khi được xử lý sơ bộ, qua ống nhựa PVC đường kính d=200mm và d=140mm thoát ra hệ thống thoát nước ngoài nhà sau đó thoát ra suối.

6.2.2. Hạng mục xây mới:

a) Nhà làm việc và phòng ở cán bộ:

- Công trình cao 2 tầng, mặt bằng hình chữ nhật, kích thước theo tim tường (8,9x21,6)m; hành lang phía trước rộng 1,5m; chiều cao so với mặt sân: cốt nền 0,45m; chiều cao nhà 9,63m. Chiều cao tầng 1: 3,68m; chiều cao tầng 2: 3,6m. Mái dốc, phía trên lợp tôn dày 0,42mm; xà gồ U(100x40x2)mm gác trên tường thu hồi. Giao thông chính: bố trí 01 cầu thang bộ, kích thước buồng thang (3,6x4,7)m.

Tầng 1 bố trí các phòng làm việc và 01 phòng ở có khu vệ sinh khép kín, kích thước (2,7x7,2)m; tầng 2 bố trí các phòng ở có khu vệ sinh khép kín, kích thước (2,7x3,6)m.

- Kết cấu chính: Móng đơn, có giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; hệ cột, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép toàn khối sử dụng bê tông mác 200; móng và tường xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50.

- Hoàn thiện: Nền, sàn lát gạch ceramic kích thước (400x400)mm; nền, sàn khu vệ sinh lát gạch Ceramic chống trơn (400x400)mm; ốp tường vệ sinh bằng gạch men trắng kích thước (250x400)mm; tường trong và ngoài nhà lăn sơn; cửa đi, cửa sổ dùng cửa sắt sơn tĩnh điện, cửa sổ có hoa sắt bằng thép đặc tiết diện (12x12)mm.

- Giải pháp cấp điện: Nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ trạm biến áp đã có cách công trình 35m sử dụng dây cáp ngầm CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC (3x35+1x16)mm² luồn trong ống nhựa gân xoắn

HDPE d=(65/50)mm đặt sâu 0,8m so với cốt mặt đất; Cấp điện chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ tại trục (3-7)(B-D) sử dụng dây CU/PVC/PVC(2x4)mm² + E2,5 luôn trong ống nhựa cứng đường kính d=20mm đi ngầm tường; Cấp điện điều hòa nhiệt độ tại trục (1-3)(B-D) và bình đun nước nóng sử dụng dây CU/PVC/PVC(2x6)mm²+E4 luôn trong ống nhựa cứng đường kính d=20mm đi ngầm tường; Cấp điện chiếu sáng hành lang và cầu thang sử dụng dây CU/PVC/PVC(2x2,5)mm² luôn trong ống nhựa cứng đường kính d=16mm đi ngầm tường; Chiếu sáng các phòng bằng đèn led tuýp 2 bóng (2x24)W, chiếu sáng hành lang và cầu thang sử dụng đèn led ốp trần đường kính d=170mm, công suất bóng 12W-220V; thông gió nhân tạo dùng quạt trần sải cánh 1,4m.

- Chống sét: Kim thu sét dùng sắt tròn đường kính d=16mm dài 1,5m đầu vót nhọn mạ kẽm, hàn vào các xà gồ đỉnh mái 0,1m. Kim được lồng trong ống sứ hình quả bầu. Dây dẫn sét dùng dây sắt tròn đường kính d=10mm cứ 1m đặt một chân bắt sắt tròn đường kính d=10mm, dây nối đất dùng sắt tròn đường kính d=20mm đặt sâu cách mặt đất 0,8 m. Cọc nối đất bằng sắt góc (63x63x6)m dài 2,5m đầu vót nhọn đóng sâu vào lòng rãnh nối đất, đầu trên của cọc cách đáy rãnh 0,2m, lấp rãnh bằng đất mịn đầm kỹ.

- Giải pháp thiết kế cấp nước: nguồn nước cấp cho công trình được lấy từ đường ống cấp nước hiện trạng, điểm đầu nối sát mép đường bê tông nội bộ, cách công trình 10m về phía Đông của công trình sử dụng ống nhựa đường kính d=32mm; cấp đến khu vệ sinh và các thiết bị sử dụng ống đường kính d=20mm và d=25mm; Toàn bộ hệ thống cấp nước sử dụng ống nhựa hàn nhiệt PP-R và phụ kiện đồng bộ.

- Giải pháp thiết kế thoát nước:

Nước mưa từ mái chảy theo đường ống dẫn xuống hố ga phía sau công trình bằng ống nhựa, đường kính d=110mm và thoát ra suối.

Nước thoát sàn, chậu rửa thoát ra hố ga phía sau công trình sau đó thoát ra suối, sử dụng ống nhựa PVC có đường kính d=34mm đến d=76mm.

Nước thải khu vệ sinh thoát vào bể tự hoại xử lý cục bộ sau đó thoát ra hố ga phía sau công trình và thoát ra suối sử dụng ống nhựa PVC đường kính d=110mm.

Hố ga: Kích thước theo tim tường (1,11x1,11)m, lót móng bằng bê tông mác 150, dày 100mm; Móng bằng bê tông mác 200, dày 100cm; thành xây bằng gạch không nung vữa xi măng mác 50; nắp hố ga bằng bê tông cốt thép mác 200, dày 100mm; trát rãnh thoát nước bằng vữa xi măng mác 75, dày 1,5cm.

Bể tự hoại, gồm 2 bể: bể tự hoại 1 bố trí cạnh trục (1-D) của công trình, kích thước (2,35x1,44x1,85)m; bể tự hoại 2 bố trí cạnh trục (7-D) của công trình, kích thước (3,66x1,94x1,85)m; đáy và nắp bể bằng bê tông cốt thép mác 200; thành xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 50; trát trong lòng bể bằng vữa xi măng mác 75, dày 1,5cm; lán vữa xi măng mác 75, dày 2cm.

- Phòng cháy chữa cháy: sử dụng hệ thống bình cứu hỏa chữa cháy xách

tay các loại MFZ4, MT3 đặt tại hành lang các tầng, bảng nội quy, tiêu lệnh chữa cháy.

b) Nhà hạnh phúc:

- Công trình cao 1 tầng, mặt bằng hình chữ nhật, kích thước theo tim tường (9x21,6)m; hành lang phía trước rộng 2,1m; chiều cao so với mặt sân: cốt nền 0,45m; chiều cao nhà 5,5m. Chiều cao tầng 1: 3,6m; phía trên lợp tôn dày 0,4mm; xà gồ U(100x40x2)mm gác trên tường thu hồi.

- Kết cấu chính: móng đơn, có giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; hệ cột, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép toàn khối sử dụng bê tông mác 200; móng và tường xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50.

- Hoàn thiện: nền, sàn lát gạch ceramic kích thước (400x400)mm; nền, sàn khu vệ sinh lát gạch Ceramic chống trơn (300x300)mm; ốp tường vệ sinh bằng gạch men trắng kích thước (250x400)mm; tường trong và ngoài nhà lãn sơn; cửa đi, cửa sổ dùng cửa sắt sơn tĩnh điện, cửa sổ có hoa sắt bằng thép đặc tiết diện (12x12)mm.

- Cấp điện: nguồn cấp điện cho công trình được lấy từ lưới điện chung đã có của công trình, điểm đầu nối cách công trình 20m, sử dụng dây cáp ngầm CU/XLPE/PVC(3x16+1x10)mm² đi ngầm tường; cấp điện chiếu sáng tại trục (1-7)(B-C) sử dụng dây CU/PVC/PVC(2x4)mm² + E2,5 luồn trong ống nhựa cứng đường kính d=16mm đi ngầm tường; cấp điện điều hòa nhiệt độ và bình đun nước nóng sử dụng dây CU/PVC/PVC(4x4)mm²+E2,5 luồn trong ống nhựa cứng đường kính d=32mm đi ngầm tường; cấp điện chiếu sáng hành lang sử dụng dây CU/PVC/PVC(2x2,5)mm² luồn trong ống nhựa cứng đường kính d=16mm đi ngầm tường; chiếu sáng các phòng bằng đèn led tuýp 1 bóng 24W, chiếu sáng hành lang sử dụng đèn led ốp trần đường kính d=170mm, công suất bóng 12W-220V; thông gió nhân tạo dùng quạt trần sải cánh 1,4m.

- Chống sét: Kim thu sét dùng sắt tròn đường kính d=16mm dài 1,5m đầu vót nhọn mạ kẽm, hàn vào các xà gồ đỉnh mái 0,1m. Kim được lồng trong ống sứ hình quả bầu. Dây dẫn sét dùng dây sắt tròn đường kính d=10mm cứ 1m đặt một chân bật sắt tròn đường kính d=10mm, dây nối đất dùng sắt tròn đường kính d=20mm đặt sâu cách mặt đất 0,8 m. Cọc nối đất bằng sắt góc (63x63x6)m dài 2,5m đầu vót nhọn đóng sâu vào lòng rãnh nối đất, đầu trên của cọc cách đáy rãnh 0,2m, lấp rãnh bằng đất mịn đầm kỹ.

- Giải pháp thiết kế cấp nước: nguồn nước cấp cho công trình được lấy từ đường ống cấp nước hiện trạng tại phía sau công trình, sử dụng ống nhựa đường kính d=32mm; cấp đến khu vệ sinh và các thiết bị sử dụng ống đường kính d=20mm và d=25mm; toàn bộ hệ thống cấp nước sử dụng ống nhựa hàn nhiệt PP-R và phụ kiện đồng bộ.

- Giải pháp thiết kế thoát nước:

Nước mưa từ mái chảy theo đường ống dẫn xuống hố ga phía sau công trình bằng ống nhựa, đường kính d=110mm và thoát ra suối.

Nước thoát sàn, chậu rửa thoát ra hồ ga phía sau công trình sau đó thoát ra suối, sử dụng ống nhựa PVC có đường kính $d=34\text{mm}$ đến $d=76\text{mm}$.

Nước thải khu vệ sinh thoát vào bể tự hoại xử lý cục bộ sau đó thoát ra hồ ga phía sau công trình và thoát ra suối sử dụng ống nhựa PVC đường kính $d=110\text{mm}$.

Hồ ga: Kích thước theo tim tường $(1,11 \times 1,11)\text{m}$, lót móng bằng bê tông mác 150, dày 100mm; Móng bằng bê tông mác 200, dày 100cm; thành xây bằng gạch không nung vữa xi măng mác 50; nắp hồ ga bằng bê tông cốt thép mác 200, dày 100mm; trát rãnh thoát nước bằng vữa xi măng mác 75, dày 1,5cm.

Bể tự hoại: Kích thước $(3,66 \times 1,94 \times 1,85)\text{m}$; Đáy và nắp bể bằng bê tông cốt thép mác 200; thành xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 50; trát trong lòng bể bằng vữa xi măng mác 75, dày 1,5cm; lán vữa xi măng mác 75, dày 2cm.

- Phòng cháy chữa cháy: Sử dụng hệ thống bình cứu hỏa chữa cháy xách tay các loại MFZ4, MT3 đặt tại hành lang các tầng, bảng nội quy, tiêu lệnh chữa cháy.

c) Nhà cắt con:

- Công trình cao 1 tầng, mặt bằng hình chữ nhật, kích thước theo tim tường $(9,3 \times 32)\text{m}$; Hành lang phía trước rộng 1,5m; Chiều cao so với mặt sân: cốt nền 0,45m; chiều cao nhà 5,5m. Chiều cao tầng 1: 3,6m; phía trên lợp tôn dày 0,4mm; xà gồ $U(100 \times 40 \times 2)\text{mm}$ gác trên tường thu hồi.

- Kết cấu chính: Sử dụng móng hiện trạng được xây dựng từ dự án cũ, móng có bổ sung giằng móng, bổ sung móng cột hiên trục A, thép cột được khoan cắm trực tiếp xuống móng cũ bên dưới của giằng móng bổ sung; hệ cột dầm sàn, sàn mái sử dụng bê tông cốt thép mác 200; sàn, sàn mái dày 10cm; Móng và tường xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50.

- Hoàn thiện: Nền, sàn lát gạch liên doanh kích thước $(300 \times 300)\text{mm}$; nền, sàn khu vệ sinh lát gạch Ceramic chống trơn $(300 \times 300)\text{mm}$; ốp tường vệ sinh bằng gạch men trắng kích thước $(250 \times 400)\text{mm}$; cửa đi, cửa sổ dùng cửa sắt sơn tĩnh điện, cửa sổ có hoa sắt thép đặc tiết diện $(12 \times 12)\text{mm}$.

- Cấp điện: Nguồn cấp điện cho công trình được lấy từ lưới điện chung đã có của công trình, điểm đầu nối cách công trình 15m, sử dụng dây cáp ngầm $\text{Cu/XLPE/PVC}(2 \times 6)\text{mm}^2$ luồn trong ống nhựa gân xoắn HDPE $d=50/40\text{mm}$ ngầm đất đặt sâu 0,8m so với mặt nền; Cấp điện chiếu sáng sử dụng dây $\text{CU/PVC/PVC}(2 \times 4)\text{mm}^2$ luồn trong ống nhựa cứng đường kính $d=20\text{mm}$ đi ngầm tường; Cấp điện đến ổ cắm sử dụng dây $\text{CU/PVC/PVC}(2 \times 2,5)\text{mm}^2$ luồn trong ống nhựa cứng đường kính $d=16\text{mm}$ đi ngầm tường; Cấp điện đến các đèn sử dụng dây $\text{CU/PVC/PVC}(2 \times 1,5)\text{mm}^2$ luồn trong ống nhựa cứng đường kính $d=16\text{mm}$ đi ngầm tường; Chiếu sáng các phòng bằng đèn led tuýp 1 bóng 24W, chiếu sáng hành lang sử dụng đèn led ốp trần đường kính $d=170\text{mm}$, công suất bóng 12W-220V; thông gió nhân tạo dùng quạt trần sải cánh 1,4m.

- Chống sét: Kim thu sét dùng sắt tròn đường kính $d=16\text{mm}$ dài 1,5m đầu vót nhọn mạ kẽm, hàn vào các xà gồ đỉnh mái 0,1m. Kim được lồng trong ống sứ hình quả bầu. Dây dẫn sét dùng dây sắt tròn đường kính $d=10\text{mm}$ cứ 1m đặt một chân bắt sắt tròn đường kính $d=10\text{mm}$, dây nối đất dùng sắt tròn đường kính $d=20\text{mm}$ đặt sâu cách mặt đất 0,8 m. Cọc nối đất bằng sắt góc (63x63x6)m dài 2,5m đầu vót nhọn đóng sâu vào lòng rãnh nối đất, đầu trên của cọc cách đáy rãnh 0,2m, lấp rãnh bằng đất mịn đầm kỹ.

- Giải pháp thiết kế cấp nước: Nguồn nước cấp cho công trình được lấy từ đường ống cấp nước hiện trạng tại phía sau công trình, sử dụng ống nhựa đường kính $d=32\text{mm}$; cấp đến khu vệ sinh và các thiết bị sử dụng ống đường kính $d=20\text{mm}$ và $d=25\text{mm}$; Toàn bộ hệ thống cấp nước sử dụng ống nhựa hàn nhiệt PP-R và phụ kiện đồng bộ.

- Giải pháp thiết kế thoát nước:

Nước mưa từ mái chảy theo đường ống dẫn xuống hố ga phía sau công trình bằng ống nhựa, đường kính $d=110\text{mm}$ và thoát ra suối.

Nước thoát sàn, chậu rửa thoát ra hố ga phía sau công trình sau đó thoát ra suối, sử dụng ống nhựa PVC có đường kính $d=34\text{mm}$ đến $d=76\text{mm}$.

Nước thải khu vệ sinh thoát vào bể tự hoại xử lý cục bộ sau đó thoát ra hố ga phía sau công trình và thoát ra suối sử dụng ống nhựa PVC đường kính $d=110\text{mm}$.

Hố ga: Kích thước theo tim tường (1,11x1,11)m, lót móng bằng bê tông mác 150, dày 100mm; Móng bằng bê tông mác 200, dày 100mm; thành xây bằng gạch không nung vữa xi măng mác 50; nắp hố ga bằng bê tông cốt thép mác 200, dày 100mm; trát rãnh thoát nước bằng vữa xi măng mác 75, dày 1,5cm.

Bể tự hoại, gồm 2 bể: Bể tự hoại 3 bố trí phía sau nhà, giữa trục (8-10) của công trình, bể tự hoại 4 bố trí phía sau nhà, giữa trục (3-5) của công trình; kích thước (3,66x1,94x2,35)m; đáy và nắp bể bằng bê tông cốt thép mác 200; thành xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 50; trát trong lòng bể bằng vữa xi măng mác 75, dày 1,5cm; lán vữa xi măng mác 75, dày 2cm.

d) Sân thể thao cỏ lá gừng: hành lang xung quanh rộng 3m; Xung quanh bố trí hàng rào tổng chiều dài 234m, cao 3,6m bằng thép B40 bọc nilon đen, lót móng tường rào bằng bê tông mác 150; giằng bằng bê tông cốt thép mác 200, kích thước giằng (140x220)mm, trụ tường rào bằng thép ống đường kính $d=88,3\text{mm}$, dày 2,9mm, cứ 2m bố trí 01 trụ; khung tường rào bằng thép (40x25x3)mm. Kết cấu bề mặt sân gồm: Cỏ lá gừng trồng bề mặt 200 gốc/m², đất trồng cỏ dày 150mm.

- Thoát nước: Nước thấm trên bề mặt sân xuống rãnh thu nước thoát ra hố ga và theo cống đường kính $d=600\text{mm}$ thoát vào mương thoát nước chung.

Rãnh thu nước trong sân bóng, tổng chiều dài 357m: Lót móng bằng bê tông mác 150, dày 100mm; thành rãnh xây bằng gạch không nung vữa xi măng mác 50; nắp rãnh bằng bê tông cốt thép mác 200, dày 70mm; trát rãnh bằng vữa

xi măng mác 75, dày 1,5cm; láng rãnh bằng vữa xi măng mác 75, dày 3cm.

Hố ga: Kích thước (1,64x1,64x2,15)m; lót móng bằng bê tông mác 150, dày 150mm; thành hố ga xây bằng gạch không nung vữa xi măng mác 50; tấm đan rãnh bằng bê tông cốt thép mác 200, dày 100mm; trát rãnh bằng vữa xi măng mác 75, dày 1,5cm; láng rãnh bằng vữa xi măng mác 75, dày 2cm.

Cống bằng bê tông cốt thép đúc sẵn đường kính $d=600\text{mm}$; đế cống bằng bê tông mác 200.

- Cấp điện: Nguồn cấp điện cho sân thể thao được lấy lưới điện chung đã có của công trình, điểm đầu nối cách công trình 320m sử dụng dây cáp ngầm CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC(4x10) mm^2 ; cấp điện chiếu sáng sử dụng dây CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC(4x6) mm^2 + M6 âm đất tới từng chân cột đèn cao áp; toàn bộ dây dẫn được luồn trong ống nhựa gân xoắn HDPE $d=65/50\text{mm}$ đặt trong mương cáp sâu 0,7m so với mặt sân.

e) Tường rào phân khu:

Quanh hạng mục nhà ở học viên và nhà cắt con bố trí xây dựng tường rào đảm bảo an ninh và an toàn cho từng khu vực, tổng chiều dài 805m, cấu tạo tường rào:

- Tường rào mặt trước công trình (tường rào xây gạch kết hợp hoa sắt): Lót móng bằng bê tông mác 150, dày 100mm; móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng mác 50; giằng móng kích thước (220x220)mm bằng bê tông cốt thép mác 200, xây tường rào bằng gạch không nung vữa xi măng mác 75, cao 1,2m; trát tường rào bằng vữa xi măng mác 75, dày 1,5cm; quét vôi ve 1 nước lót, 2 nước màu; hoa sắt tường rào bằng thép hình V(50x5)mm, cao 1,3m; đỉnh tường rào gắn thép tròn đường kính $d=14\text{mm}$ và thép hình V(50x5)mm cao 1,0m, phía trên lắp đặt cuộn thép gai mạ kẽm đường kính $d=500\text{mm}$.

+ Tường rào mặt sau công trình (tường rào xây gạch): Lót móng bằng bê tông mác 150, dày 100mm; Móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng mác 50; Giằng móng kích thước (220x220)mm bằng bê tông cốt thép mác 200, xây tường rào bằng gạch không nung vữa xi măng mác 75, cao 2,5m; Trát trụ tường rào bằng vữa xi măng mác 75, dày 1,5cm; quét vôi ve 1 nước lót, 2 nước màu; Đỉnh tường rào gắn thép tròn đường kính $d=14\text{mm}$ và thép hình V(50x5)mm cao 1,0m, phía trên lắp đặt cuộn thép gai mạ kẽm đường kính $d=500\text{mm}$.

g) Lan can tay vịn bậc thang ngoài trời: Lan can bằng inox chạy dọc theo bậc thang ngoài trời tại vị trí bên phải cổng vào của khu vực cổng chính, nối từ đường bê tông khu vực cổng chính lên sân của nhà thăm thân; Tay vịn bằng inox đường kính $d=76\text{mm}$, dày 1,2mm; Thanh đứng lan can bằng inox đường kính $d=76\text{mm}$, dày 1,2mm và đường kính $d=40\text{mm}$, dày 1,0mm.

h) Nhà để xe: Mặt bằng hình chữ nhật, kích thước theo tim (6x21)m; khẩu độ cột 4,2m; Lót móng bằng bê tông mác 150, móng bằng bê tông mác 200; cột bằng thép đường kính $d=114\text{mm}$, bán kèo bằng thép ống đường kính $d=60\text{mm}$, xà gồ thép hộp (100x40x2,0)mm, nền đổ bê tông mác 200, dày 15cm; mái dốc,

lợp tôn dày 0,4mm; xây tường phía sau nhà xe bằng gạch không nung vữa xi măng mác 50, cao 0,9m; trát tường bằng vữa xi măng mác 75, dày 1,5cm.

i) Trạm xử lý nước và đập dâng:

- Trạm xử lý nước:

+ Cấu tạo cụm bể xử lý: Kích thước bể (10,6x9,25)m gồm bể chứa nước sau lắng, bể chứa cặn, bể chứa nước đầu vào và 02 ngăn bể chứa nước sau xử lý; lót móng bể bằng bê tông mác 150, dày 100mm; đáy bể bằng bê tông cốt thép mác 200, dày 300mm; thành bể bằng bê tông cốt thép mác 200, dày 250mm; tấm đan nắp bể bằng bê tông cốt thép mác 200, dày 200mm; láng bể bằng vữa xi măng mác 75, dày 20mm.

+ Nhà điều hành (xây trên cụm bể xử lý): Chiều cao tầng 3,0m, chiều cao nhà 3,3m (tính đến đỉnh mái); tường xây bằng gạch không nung; Hệ cột, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép toàn khối, sử dụng bê tông mác 200; Tường trong và ngoài nhà lán sơn; cửa đi và cửa sổ dùng cửa sắt sơn tĩnh điện.

- Thiết bị lắp đặt cho trạm xử lý gồm: Bể gom nước, bể chứa nước đầu vào, bộ lọc đa tầng, bộ làm mềm nước, bộ lọc tinh, hệ thống RO, hệ thống khử trùng, bể chứa nước sau xử lý, hệ thống điện.

- Đập dâng:

Xây dựng mới đập dâng để hướng dòng vào bể hút nước của trạm bơm nước sinh hoạt. Đập có tổng chiều dài đỉnh đập là 19,4m gồm tràn giữa đập và hai tường cánh bằng bê tông mác 200; tràn giữa đập hình thang có chiều dài 12m, chiều cao đập 2,7m; giữa tràn làm cửa xả cát rộng 0,8m, cao 1,1m; tường cánh trái và tường cánh phải hình chữ nhật có chiều dài 3,7m, bề rộng đỉnh 0,8m; hạ lưu đập phần tràn xây dựng bể tiêu năng có chiều rộng 12m, chiều dài dọc theo lòng suối dài 4,5m; hai bên sườn dọc theo dốc tràn và bể tiêu năng làm tường chống xói và kết hợp chắn đất sạt lở ở hai bên sườn đồi.

- Sau tường cánh phải làm bể hút đặt bơm chìm để bơm cấp nước cho trung tâm cai nghiệm. Bể có kích thước (LxBxH)= (5x2,4x1,5)m. Mặt bể đặt tấm đan chống bồi lấp; cửa lấy nước vào bể điều tiết bằng bê tông cốt thép mác 200 và có lưới chắn rác kết cấu thép. Đáy bể làm ống xả đáy bằng ống HDPE D110, có van điều tiết tại hạ lưu.

6.2.3. Hạng mục cải tạo:

a) Nhà ở 100 học viên (02 nhà): Mặt bằng hình chữ nhật, nhà có kích thước tim (12,9x66,62)m, là nhà 1 tầng với diện tích là 811m² được bố cục là 2 trục công năng chạy dọc theo nhà với hành lang nội bộ nằm ở giữa có bề rộng là 2,4m. khẩu độ cho trục công năng ở và nghỉ ngơi là 6m, khẩu độ trục công năng phụ trợ như vệ sinh, tắm giặt và phơi đồ là 4,5m.

- Các phòng ở học viên kích thước (12x6)m được xây tường ngăn chia đôi phòng làm 2 với kích thước (6x6)m.

- Cao bả lớp sơn cũ trên bề mặt tường, dầm, trần trong và ngoài nhà; Quét

vôi ve 1 nước lót, 2 nước phủ.

- Bổ sung hoa sắt bằng sắt vuông tiết diện (14x14)mm tại ô thoáng tường ngăn phòng ở học viên và phòng cán bộ quản giáo.

- Bổ sung thêm hoa sắt bằng sắt vuông đặc tiết diện (14x14)mm tại các vách khu vệ sinh, tắm giặt, phơi đồ.

- Bổ sung thêm hoa sắt bằng sắt vuông đặc tiết diện (14x14)mm tại cửa sổ trượt bằng nhôm kính.

- Tháo dỡ cửa đi bằng cửa nhôm kính ký hiệu Đ4 trong khu vệ sinh; lắp đặt mới cửa đi bằng cửa khung sắt.

- Lắp đặt hệ thống điện gồm: Công tắc âm tường, số lượng 08 cái; đế nhựa âm tường, số lượng 04 cái; dây dẫn (2x2,5)mm², tổng chiều dài 5m; dây dẫn (2x1,5)mm² được luồn trong ống nhựa cứng HDPE đường kính d=16mm, tổng chiều dài 90m;

- Lắp đặt hệ thống báo cháy gồm: Tủ bảo quản bình chữa cháy kích thước (650x500x200)mm, số lượng 6 tủ; biển nội quy + Tiêu lệnh chữa cháy, số lượng 03 bộ; bình bột MFZ4, số lượng 12 bình; bình khí MT3, số lượng 12 bình; đèn chỉ dẫn thoát nạn (Exit), số lượng 12 đèn; đèn chỉ dẫn thoát nạn có hướng, số lượng 03 đèn; đèn chiếu sáng sự cố, số lượng 08 đèn; Aptomat 1 pha 16°, số lượng 01 cái; dây dẫn (2x1,5)mm², tổng chiều dài 164,5m.

b) Nhà ở 80 học viên (02 nhà): mặt bằng hình chữ nhật, kích thước tim tường (12,9x64,22)m, cao 01 tầng, diện tích xây dựng = diện tích sàn = 782m², hành lang giữa rộng 2,4m.

- Tháo bỏ cửa đi khu vệ sinh hiện trạng; Lắp đặt mới cửa khu vệ sinh bằng cửa cửa khung sắt

- Bổ sung hoa sắt bằng sắt vuông tiết diện (14x14)mm tại cửa sổ ký hiệu S1, cửa đi ký hiệu D1, D2, ô thoáng đặt ti vi, tại các vách khu vệ sinh, tắm giặt, phơi đồ.

- Cao bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường, dầm, trần trong và ngoài nhà; quét vôi ve 1 nước lót, 2 nước phủ.

- Các phòng ở học viên kích thước (11,4x6)m được xây tường ngăn chia đôi phòng làm 2, kích thước 1 phòng (6x5,7)m.

c) Cổng chính:

Cổng mở trượt, rộng 6,6m, cao 4,5m; cánh cổng bằng thép hộp (50x50x2)mm hàn trực tiếp vào mép cổng cũ và khung mới; Bánh xe trượt bằng thép, ray trên 05 bộ, ray dưới 05 bộ; Lắp đặt bộ motor điện kéo cánh chạy dọc theo tường rào phía đối diện nhà bảo vệ, bộ phận điều khiển mô tơ điện được lắp đặt trong phòng nhà bảo vệ.

d) Nhà thăm thân:

Mặt bằng hiện trạng hình chữ nhật, kích thước (6x10,8)m với khẩu độ

gian là 3,6m, trần cao 3,6m, bệ tường xây gạch có sẵn cao 0,9m.

Bổ sung hệ vách kính khung nhôm hệ, kích thước (10,58x2,6)m cao tới trần đặt trên bệ tường gạch có sẵn, kích thước vách kính (2,6x10,8)m, kính dày 6,38mm.

e) Ao nước sạch dự trữ:

Mặt nước hiện trạng diện tích 841m², độ sâu trung bình 1,8m (tính từ đáy ao đến bờ).

Sau khi cải tạo đào mở rộng ao về 2 phía tạo thành hình chữ nhật khuyết một góc, ao được mở rộng thêm 992m² và được xây tường kê xung quanh ao, tường xây bằng gạch không nung vữa xi măng mác 75, móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng mác 75, sâu 0,8m so với đáy ao; Giếng móng bằng bê tông cốt thép mác 200, kích thước (220x220)mm; phần thân tường xây bằng gạch không nung vữa xi măng mác 75, cao 2m, dày 0,33m; phần tường bao quanh ao cao 1,2m so với mặt bờ ao (tính đến đỉnh giếng), đỉnh tường có giếng bằng bê tông cốt thép mác 200, kích thước (220x220)mm.

6.2.4. Thiết bị: Giường inox 2 tầng, số lượng 180 cái; tủ tôn 4 ngăn, số lượng 130 cái; khay chia cơm inox, số lượng 360 khay; máy lọc nước công suất 100 lít/giờ, số lượng 8 bộ; dàn nước nóng lạnh năng lượng mặt trời, số lượng 8 bộ; xe đẩy cơm, số lượng 8 xe; tủ nấu cơm bằng hơi công suất 100kg, số lượng 1 tủ; máy phát điện công suất 200KVA, số lượng 01 máy; bàn ghế làm việc, số lượng 20 bộ; hệ thống camera an ninh (mỗi khu nhà một hệ thống riêng, mỗi hệ thống 20 mắt quan sát, 1 màn hình, 1 ổ chia công, 1 ổ ghi) số lượng 5 bộ.

6.2.5. Bệ đặt máy phát điện dự phòng: Bệ máy kích thước (4,65x2,15)m bằng bê tông cốt thép mác 250 đặt trên nền đất được đầm chặt k=0,9.

7. Giá trị dự toán xây dựng công trình: 23.000.000.000 đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	15.053.057.682 đồng;
- Chi phí thiết bị:	4.896.200.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	521.727.491 đồng;
- Chi phí tư vấn:	1.481.410.625 đồng;
- Chi phí khác:	404.625.666 đồng;
- Chi phí dự phòng:	642.978.535 đồng.

8. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn Trung ương và ngân sách địa phương.

9. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê Ban quản lý dự án chuyên ngành.

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2020 - 2021.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Kho

bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Cao Lộc và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh,
các phòng: KGVX, THNC, Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, KT (VQK).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Xuân Huyền